TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2020/DSST Ngày 27- 8 - 2020 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Văn Hào và bà Đoàn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *24/2020*/TLST-*DS* ngày *26* tháng *5* năm *2020* về tranh chấp *hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *12/2020*/QĐXXST-DS ngày *13* tháng *7* năm *2020* và Thông báo về việc mở lại phiên toà số 26/2020/TBXX-DS ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm Nguyễn Tạo, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm Đông Xuân, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 11/6/2014 âm lịch, chị Nguyễn Thị Th (vợ anh Hải) đã đến nhà nguyên đơn vay số tiền 13.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng nhưng không thỏa thuận về thời gian trả nợ. Khi đó, chị L viết giấy còn chị Th ký tên và nhận tiền trực tiếp từ chị L. Tuy nhiên, kể từ khi vay tiền, chị Th

không trả tiền lãi cho chị L nên chị L đã nhiều lần đòi lại cả tiền gốc và tiền lãi nhưng chị Th không chịu trả. Không những thế, chồng chị Th là anh Đậu Văn Hải còn có hành vi hành hung, dùng dao và gậy đuổi đánh chị L khi đến đòi nợ. Sự việc chị L đã trình báo lên Công an xã nhưng do chị Th và anh Hải bỏ nhà đi làm ăn ở nơi khác nên giải quyết được. Nay chị L yêu cầu chị Th phải trả lại số tiền nợ gốc là 13.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/6/2014 âm lịch đến ngày 09/7/2020 âm lịch là 9.750.000 đồng (=13.000.000 đồng x 75 tháng x 1%/tháng).

Do bị đơn chị Nguyễn Thị Th từ chối nhận các văn bản tố tụng, không gửi ý kiến phản hồi Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, không tham gia vào các buổi làm việc cũng như phiên tòa do Tòa án ấn định nên Tòa án không thu thập được ý kiến của chị Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ trông chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; điều 35; 147 BLTTDS Điều 290, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; để tuyên buộc bị đơn trả số nợ gốc cho nguyên đơn 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 11/6/2014 âm lịch cho đến ngày xét xử; bị đơn phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập năm 2014 đối với bị đơn Nguyễn Thị Th, cư trú tại xóm Đông Xuân, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã thực hiện việc yêu cầu bị đơn trả nợ nên đáp ứng đúng quy định tại điều khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, Điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về điều kiện khởi kiện.

Giao dịch phát sinh vào năm 2013 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 (có hiệu lực vào thời điểm phát sinh giao dịch) để làm căn cứ pháp lý khi giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghhĩa vụ liên quan vẫn văng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử văng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu chị L giao nộp bản gốc của tài liệu thể hiện nội dung giao dịch vay tiền ngày 11/6/2014 âm lịch và chị L đã giao nộp đúng hạn. Bị đơn không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét các tài liệu do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu chị Th và anh Hải trả nợ nên Toà án đã xác định anh Hải và chị Th là bị đơn, nhưng qua xem xét giấy vay nợ chỉ có chị Th ký và không có đủ cơ sở kết luận anh Hải có biết việc vay đó và việc vay đó có phục vụ cho gia đình hay không. Mặt khác tại phiên toà chị L cũng thống nhất chỉ yêu cầu chị Th trả nợ nên Toà án xác định tư cách bị đơn là chị Nguyễn Thị Th và anh Hải không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào văn bản lập ngày 11/6/2014 âm lịch và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: vào ngày 11/6/2014 âm lịch, chị Nguyễn Thị Th đã vay của chị Nguyễn Thị L số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng, lãi suất 1%/tháng và không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Như vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 thì đây là giao dịch vay tài sản không thời hạn và có lãi, theo đó bên cho vay là chị L và bên vay là chị Th; bên vay đã được nhận đủ tài sản (số tiền gốc13.000.000 đồng) từ bên cho vay.

Nguyên đơn cho rằng, bị đơn không trả số tiền gốc 13.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ thời điểm vay cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy: bị đơn không phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có chứng cứ nào thể hiện bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 290, Điều 474 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho chị L số tiền nợ gốc 13.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 11/6/2014 âm lịch đến ngày 09/7/2020 là 75 tháng x 130.000đồng = 9.750.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì nên không xem xét.

[2]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Th phải chịu 1.137.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 290; Điều 474; Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 1 điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho chị L số tiền nợ gốc 13.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 11/6/2014 âm lịch đến ngày 09/7/2020 là 75 tháng x 130.000 đồng = 9.750.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng theo giao dịch vay tài sản thiết lập ngày 11/6/2014 âm lịch. Tổng cộng cả gốc và lãi là 22.750.000 đồng (Hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lã xuất 1,5 % /1 tháng tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Về án phí: Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 565.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005425 ngày 26/5/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 1.173.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện Đô Lương;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Chi cục THADS huyện Đô Lương;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

Nguyễn Đức Anh